TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 416/2017/DS-ST Ngày: 29-9-2017 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị A

2. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hà Thiên Tâm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Trần Vĩnh Phúc - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2016/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2017/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 161/2017/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP PT TP HCM

Địa chỉ: 25 Bis đường NTMK, phường BN, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm: 1989

(Theo giấy ủy quyền số 373/2016/GUQ-HDBANK ngày 26/12/2016). (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn T, sinh năm: 1967

Địa chỉ: 482/1/11 đường DBP, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP PT TP HCM trình bày:

Ngày 12/7/2014, ông Nguyễn Tuấn T có ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 371/2014/HĐTDTDH-CN với Ngân hàng TMCP PT TP HCM để vay số tiền là 60.000.0000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, với lãi suất vay trong hạn 11.5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 12/7/2014 đến ngày 12/7/2017.

Hai bên thỏa thuận phương thức thanh toán nợ gốc và lãi là trả chậm thành nhiều kỳ, tiền gốc mỗi kỳ là 1.666.667 đồng và lãi là 583.519 đồng, trả vào ngày 12 hàng tháng.

Thực hiện hợp đồng, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP PT TP HCM số tiền gốc là 33.333.340 đồng và tiền lãi đến ngày 12/3/2016, sau đó ngưng không đóng lãi và gốc cho đến nay.

Mặc dù theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 371/2014/HĐTDTDH-CN ngày 12/7/2014 chưa đến hạn trả nợ nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của mỗi kỳ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng nên ngày 12/4/2016, Ngân hàng TMCP PT TP HCM chuyển toàn bộ số nợ thành nợ quá hạn và nay khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T thanh toán số tiền còn nợ, cụ thể như sau:

- Số tiền nợ gốc: 26.666.660 đồng

- Số lãi trong hạn: 11.923.304 đồng

- Lãi quá hạn: 1.305.729 đồng

- Phí phạt chậm trả nợ trễ hạn: 4.800.000 đồng

Tổng số tiền ông T phải thanh toán là 44.695.693 đồng, trả một lần ngay khi bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời ông T phải có trách nhiệm trả tiền lãi tính từ ngày 30/9/2017 đến khi trả xong nợ gốc, lãi suất theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết.

Ông Nguyễn Hoàng T có đơn xin được xét xử vắng mặt

Bị đơn ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hoà giải cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng ông T không nộp tài liệu, chứng cứ cũng như không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến việc giải quyết vụ án vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và xét xử vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật về tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ giai đoạn thụ lý đến khi nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật, đầy đủ. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng, tuy nhiên bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản pháp luật nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay là vi phạm quy định pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Xét thấy bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 10, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét văn bản ủy quyền số 373/2016/GUQ-HDBANK ngày 26/12/2016 của Ngân hàng TMCP PT TP HCM là ủy quyền hợp lệ, nên ông Nguyễn Hoàng T có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

Ông Nguyễn Hoàng T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Trung.

Xét thấy Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

2. Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Đối với yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần số tiền tiền nợ gốc là 26.666.660 đồng:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 371/2014/HĐTDTDH-CN ngày 12/7/2014 thì mỗi tháng ông T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP PT TP HCM số tiền 1.666.667 đồng nợ gốc, bắt đầu từ ngày 12/7/2014 đến ngày 12/7/2017. Tuy nhiên, ông T chỉ trả nợ đến gốc đến ngày 12/3/2016 với số tiền 33.333.340 đồng và ngưng không thanh toán cho đến nay là vi phạm những điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 *"bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn"* nên yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi và phí phạt chậm trả:

Bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng bị đơn không nộp tài liệu, chứng cứ và không có lời khai trình bày về số tiền lãi đã thanh toán và còn nợ nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp cho Tòa án để xem xét, giải quyết vụ án.

Căn cứ vào điểm b khoản 4 Điều 1 Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 371/2014/HĐTDTDH-CN ngày 12/7/2014, ông T phải có nghĩa vụ trả lãi vào ngày 12 hàng tháng. Tuy nhiên, từ ngày 12/4/2016 đến nay ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ các kỳ trả lãi cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng hai bên đã ký kết.

Hai bên thỏa thuận mức lãi suất 11.5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn và phí phạt chậm trả nợ của mỗi kỳ trả nợ là 300.000 đồng/ kỳ chậm trả là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*.

Từ những phân tích trên, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và phí phạt chậm trả nợ cho nguyên đơn, cụ thể: Lãi trong hạn là 11.923.304 đồng, lãi quá hạn: 1.305.729 đồng, và phí phạt chậm trả nợ của 16 kỳ chậm trả là 4.800.000 đồng.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản thì tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 30/9/2017 theo lãi suất nợ quá hạn trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 371/2014/HĐTDTDH-CN ngày 12/7/2014.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Tuấn T thanh toán cho Ngân hàng TMCP PT TP HCM số tiền 44.695.693 đồng (bốn mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi lăm ngàn, sáu trăm chín mươi ba) đồng (trong đó nợ gốc 26.666.660 đồng, lãi trong hạn 11.923.304 đồng, lãi quá hạn 1.305.729 đồng, phí phạt chậm trả 4.800.000 đồng)

Ông T phải có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi tính từ ngày 30/9/2017 trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 371/2014/HĐTDTDH-CN ngày 12/7/2014.

Các đương sự Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm: 2.234.784 đồng (hai triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm tám mươi bốn đồng), ông Nguyễn Tuấn T chịu.

Ngân hàng TMCP PT TP HCM không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng TMCP PT TP HCM số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 704.151 đồng theo biên lai thu tiền số 09939 ngày 19/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo đối với bản án là mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì

tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)